

Số: **154** /BC-KTTC
V/v giải trình lợi nhuận sau thuế
chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm trước

Tp.HCM, ngày 2 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành giải trình về việc lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Quý 4 năm tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2019 như sau:


- Lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2019 là: (1.329.732.893) đồng
- Lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2020 là: 5.542.408.383 đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019	Chênh lệch so với cùng kỳ năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.849.659.801	120.931.786.752	(7.082.126.951)
2	Giá vốn hàng bán	74.334.152.550	82.751.277.305	(8.417.124.755)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.515.507.251	38.180.509.447	1.334.997.804
4	Doanh thu hoạt động tài chính	572.205.300	427.721.685	144.483.615
5	Chi phí tài chính	577.068.283	610.154.688	(33.086.405)
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>577.068.283</i>	<i>610.154.688</i>	<i>(33.086.405)</i>
6	Chi phí bán hàng	18.770.053.055	23.594.675.131	(4.824.622.076)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.248.739.013	12.562.703.950	686.035.063
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.491.852.200	1.840.697.363	5.651.154.837
9	Thu nhập khác	1.319.119.074	(3.403.822.723)	4.722.941.797
10	Chi phí khác	581.239.377	5.231.458	576.007.919
11	Lợi nhuận khác	737.879.697	(3.409.054.181)	4.146.933.878
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.711.764.397	(1.568.356.818)	9.280.121.215
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.169.356.014	(238.623.893)	2.407.979.907
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.542.408.383	(1.329.732.925)	6.872.141.308

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2020 tăng 6.873.770.445 đồng so với quý 4 năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là:

(1)	Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên sản lượng tiêu thụ Quý 4 năm 2020 giảm 1.187.814 m ³ , dẫn đến doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 7.082.126.951 đồng.
(2)	Sản lượng nước mua vào giảm 2.363.176 m ³ nên giá vốn nước mua vào giảm 5.486.333.942 đồng. Đồng thời, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên các dịch vụ cung cấp tại nhà khách hàng như gắn, dời, bồi thường đồng hồ nước giảm đáng kể, dẫn đến chi phí cho các hoạt động này giảm mạnh đến 2.930.790.813 đồng. Do đó, giá vốn hàng bán giảm 8.417.124.755 đồng.
(3)	Từ điểm (1) và (2) trên, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 1.334.997.804 đồng
(4)	Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 144.483.615 đồng do Công ty đã đáo hạn một số Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng tại các Ngân hàng thương mại.
(5)	Chi phí tài chính giảm 33.086.405 đồng.
(6)	Chi phí bán hàng giảm 4.824.622.076 đồng do giảm chi phí chống thất thoát nước so với cùng kỳ năm trước.
(7)	Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 686.035.063 đồng do tăng chi phí trang bị bảo hộ lao động, khám sức khỏe, giáo dục cho người lao động.
(8)	Từ các nguyên nhân trên, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty quý 4 năm 2020 tăng 5.651.154.837 đồng.
(9)	Quý 4 năm 2020, Công ty thực hiện hoạt động nhượng bán vật tư cho đơn vị khác nên có khoản thu nhập khác 737.879.697 đồng.
(10)	
(11)	
(12)	Từ các lý do trên, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 9.280.121.215 đồng.
(13)	
(14)	Dẫn đến Thuế Thu nhập doanh nghiệp quý 4 năm 2020 tăng 2.407.979.907 đồng.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2020 của Công ty.

Trân trọng. 

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu: KTTC, VT



Nguyễn Thành Phúc